CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 211 /CBTT-CN&MTĐT V/v công bố thông tin Báo cáo Thường niên năm 2018	*Đồng Tháp, ngày 26 tháng 04 năm 2019*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Hoàng Quốc Hưng
Địa chỉ: Số 65 đường Hòa Đông, phường Hòa Thuận, tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0918630223
Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)
Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Thường niên của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.dowasen.com, tại chuyên mục Quan hệ cổ đông.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu. ***Tài liệu đính kèm:*** *- Báo cáo Thường niên năm 2018*	**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT** **Người thực hiện công bố thông tin** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP **Hoàng Quốc Hưng**

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Ký ngày: 26/4/2019 16:14:14

DOWASEN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

MỤC LỤC

04 THÔNG TIN CHUNG

18 TỔ CHỨC NHÂN SỰ

26 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

34 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

38 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

44 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

48 QUẢN TRỊ CÔNG TY

56 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp

Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006

Vốn điều lệ: 259.181.300.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 259.181.300.000 đồng

Địa chỉ: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Số điện thoại: (0277) 3853 332

Số fax: (0277) 3853 332

Mã số thuế: 1400101205

Website: www.dowasen.com

Email: capnuocdt@dowasen.com

Mã cổ phiếu: DWS

Logo công ty:

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 03/07/1976, Sở Xây dựng Tỉnh được thành lập và hình thành các bộ phận trực thuộc Sở, trong đó có nhà máy nước Sa Đéc và nhà máy nước Cao Lãnh.

1983

UBND tỉnh ra quyết định nâng nhà máy Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh.

16/10/1989

Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo quyết định số 28/QĐ-TL của Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh. Bộ máy tổ chức Công ty gồm 3 phòng nghiệp vụ, 1 đội thi công, có 31 cán bộ công nhân viên. Với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng. Ông Lý Khôi Văn được đề bạt làm Giám đốc Công ty.

09/12/1992

UBND tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước Công ty Cấp nước tỉnh Đồng Tháp theo quyết định số 132/QĐ.TL, trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

15/01/1994

Công ty thành lập thêm nhà máy nước huyện Lai Vung và huyện Châu Thành. Ông Nguyễn Anh Dũng được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Châu Thành và ông Lê Văn Thanh được bổ nhiệm làm giám đốc nhà máy nước huyện Lai Vung.

10/1996

Công ty tiếp nhận và thành lập Nhà Máy Nước huyện Cao Lãnh, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Sơn làm Giám đốc.

18/04/1998

UBND Tỉnh ra quyết định số: 60/QĐUB.TL về việc chuyển Công ty Cấp nước thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, phường 01 thị xã Cao Lãnh.

03/06/1998

Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, nay là Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư. Ông Phan Đình Hùng được bổ nhiệm làm giám đốc Xí nghiệp, trụ sở tại số 01A, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh.

2000

Công ty được giao quản lý 11 nhà máy cấp nước huyện, thị trong Tỉnh, trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, phường 1 thị xã Cao Lãnh.

16/03/2003

UBND Tỉnh ra quyết định số 16/QĐ.TL về việc sát nhập 02 công ty Xây lắp và Dịch vụ của hai thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh vào Công ty cấp nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 03 năm 2004, trạm cấp nước huyện Lấp Vò đã được giao về Công ty quản lý.

21/09/2006

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số 158/QĐ-UBNDTL về việc chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

29/03/2017

Cổ phần hóa từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

05/01/2019

Cổ phiếu của CTCP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác.
- Sản xuất, kinh doanh nước đóng chai, đóng bình Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước, vĩa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải).
- Tư vấn xây dựng, Tư vấn giám sát, khảo sát địa chất công trình, địa chất thuỷ văn; thiết kế các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án; Thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng; Thẩm tra thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thẩm tra thiết kế công trình xây dựng thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật; Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện công trình xây dựng); Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước. Lập và xét hồ sơ đấu thầu; Tư vấn môi trường.
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh của Dowasen được phép hoạt động khắp cả nước nhưng hiện nay hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung vào khu vực tỉnh Đồng Tháp.

MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC

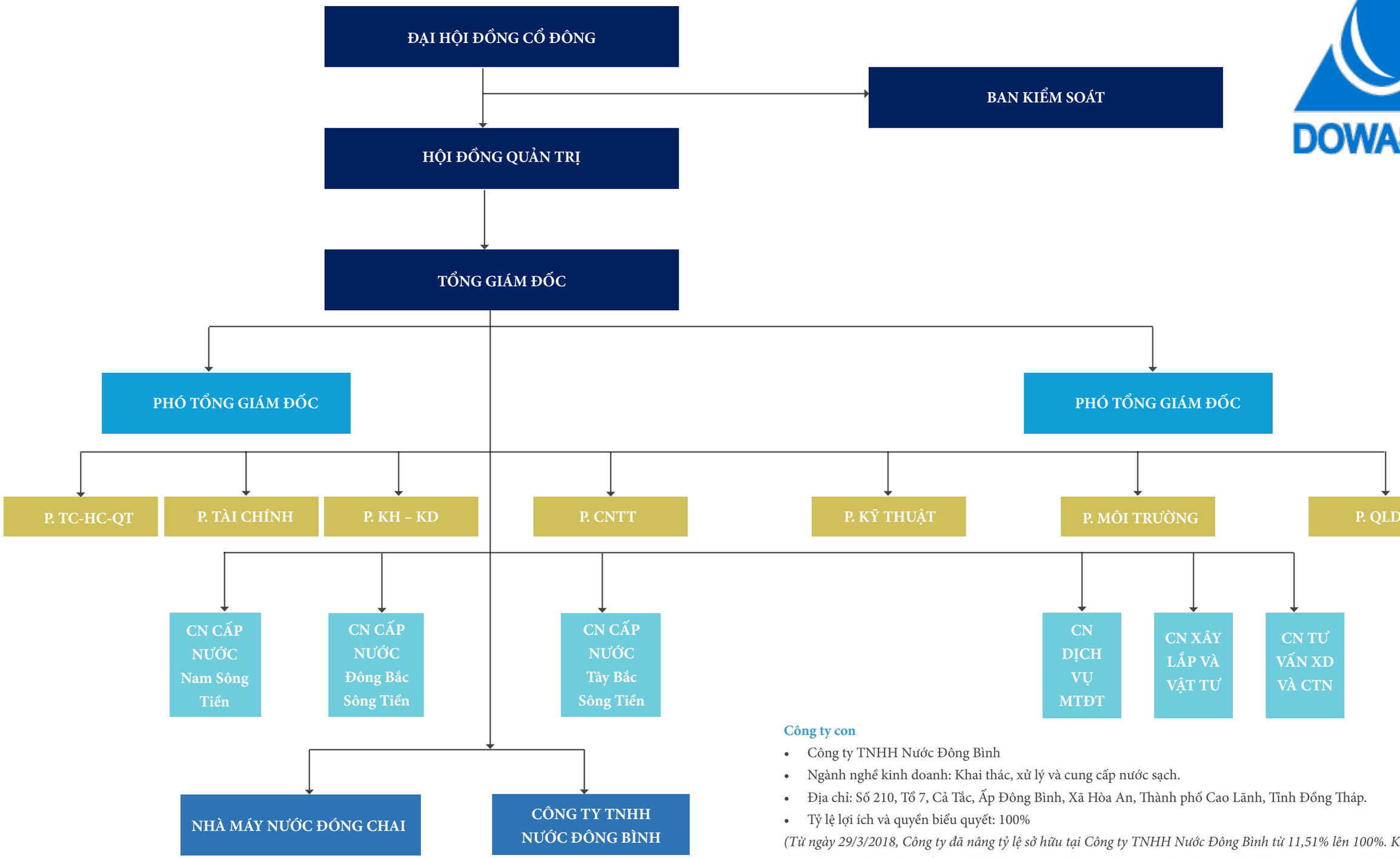

Công ty con

- Công ty TNHH Nước Đông Bình
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.
- Địa chỉ: Số 210, Tổ 7, Cả Tắc, Ấp Đông Bình, Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%

(Từ ngày 29/3/2018, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Nước Đông Bình từ 11,51% lên 100%. Kể từ ngày này, Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát tại Công ty TNHH Nước Đông Bình. Công ty đang hợp nhất theo giá trị ghi sổ tài sản thuần tại ngày 01/4/2018 (ngày hợp nhất) là 20.026.278.403 đồng)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu ngắn hạn

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty, Công ty đặt ra các mục tiêu phát triển như sau:

- Đầu tư để cải tạo, nâng cấp nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung cấp nước. Phấn đấu trở thành Công ty có dịch vụ cấp nước hàng đầu khu vực.
- Tạo điều kiện để công nhân viên Công ty được tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phát triển bản thân.
- Duy trì và nâng cao chất lượng nước cung cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế của cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

DOWASEN tập trung phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với mục tiêu: Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các nội dung cụ thể:

- Phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh;
- Mở rộng vùng phục vụ tại các đô thị trong tỉnh và các khu vực lân cận;
- Đầu tư cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước phục vụ tốt các nhu cầu sử dụng nước của người dân;
- Thành lập Xí nghiệp Thoát nước đô thị phục vụ với mục tiêu phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ (bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải và nhà máy xử lý nước thải).
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác sản xuất và quản lý chất lượng nước, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế;
- Thực hiện tốt công tác dịch vụ khách hàng; Quản lý, kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng vật tư, nguyên vật liệu; Tăng cường các biện pháp chống thất thoát nước. Xây dựng thương hiệu và hình ảnh Công ty văn minh, hiện đại.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Nhìn chung, 2018 được các chuyên gia kinh tế trên thế giới nhận định là năm mà nền kinh tế thế giới có bước tăng trưởng chung mạnh mẽ. Từ đầu tàu kinh tế thế giới cho tới các nước phát triển và mới nổi, các hoạt động kinh tế đều được ghi nhận khả quan hơn so với dự báo ban đầu. Theo Tổng cục thống kê GDP năm 2018 tăng 7,08% là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 đến nay cho thấy sự bứt phá đầy ngoạn mục của nền kinh tế Việt Nam. Lạm phát thì luôn được duy trì ổn định là quanh mức 3,53%. Ngoài ra Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục duy trì lãi suất cho vay, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng tương đối thuận lợi về thời tiết, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nông dân chủ động áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên, việc gia tăng bảo hộ thương mại và điều chỉnh các chính sách của Mỹ và các nước lớn đã ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam và một số nước trong khu vực. Ngoài ra, các hoạt động thương mại dịch vụ mặc dù tốc độ tăng trưởng không đạt được như kỳ vọng nhưng nhìn chung cũng có bước phát triển. Trong năm, tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch thu hút được nhiều người tham gia. Vì vậy 2018 được đánh giá là năm tăng trưởng của Đồng Tháp nói chung và nói riêng.

Là một công ty cấp nước hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, ít chịu tác động bởi những yếu tố vĩ mô tuy nhiên không vì vậy mà DOWASEN không cập nhật, theo sát tình hình kinh tế chung, nhờ đó Ban lãnh đạo mới có những chính sách phù hợp, định hướng công ty đi đúng định hướng phát triển.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO (tt)

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật môi trường… Trong thời gian tới, hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam sẽ có những thay đổi điều này tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn. Những thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh do đó Công ty luôn có sự quan tâm đến các văn bản luật liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước để tránh những vi phạm không đáng có.

Rủi ro đặc thù của ngành

Rủi ro thất thoát nước

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua sông...) nên việc kiểm soát thất thoát là rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng nên tình trạng đường ống nước bị vỡ khiến nước bị rò rỉ hoặc chảy tràn lan ra ngoài là điều dễ thấy. Ngoài ra còn có cả sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia.

Rủi ro về giá cả

Cũng giống như điện, nước là mặt hàng thiết yếu và do Nhà nước kiểm soát giá nên Công ty khó có thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước ngay tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này cũng phải tuân thủ các quy định về pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích giữa người sử dụng nước và doanh nghiệp. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành các khung giá về nước áp dụng cho các đối tượng và khu vực khác nhau chính vì thế giá bán đôi khi không được điều chỉnh kịp thời với tình hình thị trường nên có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Tuy chịu sự kiểm soát gắt gao của Nhà nước nhưng bù lại thị phần của công ty luôn ổn định và mở rộng nên doanh thu của công ty không ngừng tăng trong những năm qua.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Do nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt, nước ngầm tự nhiên từ các con sông và lượng nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vì vậy không thể không nhắc đến rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Bất kỳ sự thay đổi nào về chất lượng và lưu lượng nước thô như nước bị nhiễm mặn, ô nhiễm hay lượng nước giảm mạnh đều ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước cũng như sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng gia tăng nhưng mặt trái của nó là hiện tượng bê tông hóa bề mặt đất, làm thu hẹp diện tích bổ sung nước từ nguồn nước mưa cho mạch nước dưới đất, giảm khả năng tái tạo nguồn nước ngầm bị khai thác từ đó có thể gây nên sự thiếu hụt nguồn nước thô trong tự nhiên. Chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh… tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đây là những rủi ro bất khả kháng và không thể loại trừ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, tình hình hoạt động và sản xuất của công ty. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng có thể để phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội… Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất.

02

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN ĐIỀU HÀNH
- TÌNH HÌNH NHÂN SỰ
- CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Phan Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	105.600	0,407%	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Để	Thành viên HĐQT	57.700	0,223%	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	52.600	0,203%	Thành viên điều hành
4	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	8.000	0,031%	Thành viên điều hành

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phan Đình Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh 17/04/1961

Trình độ chuyên môn

- Năm 1984: Kỹ sư Địa chất công trình và thủy văn
- Năm 1995: Cử nhân Ngoại thương
- Năm 1997: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghệ
- Năm 2011: Thạc sĩ Kinh tế học

Quá trình công tác

Từ 06/1986 – 03/1990	Trưởng phòng khảo sát Xí nghiệp Khảo sát thiết kế tổng hợp – Sở Xây dựng Đồng Tháp
Từ 05/1994 – 11/1995	Trưởng phòng tư vấn Công ty Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Đồng Tháp
Từ 09/1996 – 09/1998	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 07/2012 – 07/2013	Phó Tổng giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.
Từ 07/2013 – 03/2017	Uỷ viên Ban thường vụ Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường dô thị Đồng Tháp.
Từ 03/2017 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu 105.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,407%

Số cổ phiếu đại diện sở hữu 11.314.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 43,655%

Ông Nguyễn Văn Để - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 04/04/1965

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác

Từ 05/2003 – 09/2005	Phó Giám Đốc XN Xây Lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 10/2005 – 04/2015	Giám Đốc CN XN Xây Lắp và Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 05/2015 - 03/2017	Phó Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 03/2017 - 04/2017	Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu 57.700 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,223%

Số cổ phiếu đại diện sở hữu 6.433.800 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 24,824%

Ông Nguyễn Thượng Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 03/03/1966

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)

Quá trình công tác

Từ 08/1999 – 03/2003	Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
Từ 01/2014 – 03/2015	Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 07/2015 - 03/2017	Bí Thư Đảng Ủy – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 03/2017 - 04/2017	Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp.
Từ 04/2017 đến nay	Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng tháp.

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu 52.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,203%

Số cổ phiếu đại diện sở hữu 2.218.540 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 8,560%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Ông Nguyễn Anh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị	
Năm sinh	20/12/1965
Trình độ chuyên môn	• Cử nhân Kinh tế • Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tổng hợp
Quá trình công tác	
08/2015 - 03/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp
03/2017 - 04/2017	Thành viên HĐQT Công Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp
04/2017 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốcCông Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	8.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,031%
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	2.218.540 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 8,560%

BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Văn Để	Tổng giám đốc	57.700	0,223%
2	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc	8.000	0,031%
3	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng giám đốc	52.600	0,203%
4	Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng	33.900	0,131%

Lý lịch các thành viên Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Để - Tổng giám đốc (Xem sơ yếu lý lịch tại phần Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Anh Dũng - Phó Tổng giám đốc (Xem sơ yếu lý lịch tại phần Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Thượng Vũ - Phó Tổng giám đốc (Xem sơ yếu lý lịch tại phần Hội đồng quản trị)

Ông Phạm Chí Thức – Kế toán trưởng	
Năm sinh	28/04/1959
Địa chỉ thường trú	Số 01 đường Đốc Binh Kiều, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – KT các Doanh nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	33.900 cổ phiếu
Tỷ lệ	0,131%

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu cá nhân-nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	32.400	0,125%
2	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên	22.800	0,088%
3	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	-	-

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng BKS	
Năm sinh	20/02/2968
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế Thương nghiệp
Quá trình công tác	
Từ 12/1991 – 10/1990	Nhân viên kế toán Công ty Vận tải biển Đồng Tháp
Từ 10/1996 – 03/2003	Nhân viên kế toán Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 03/2003 – 9/2006	Phó phòng Tài vụ Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 09/2006 - 03/2017	Kiểm soát viên (Kiểm soát viên phụ trách) Công ty TNHH MTV Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp
Từ 03/2017 đến nay	Trưởng Ban Kiểm Soát, Công Ty CP Cấp Nước và MTĐT Đồng Tháp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	32.400 cổ phiếu
Tỷ lệ	0,125%

Bà Phạm Thị Kim Dung – Thành viên BKS	
Năm sinh	20/07/1966
Trình độ chuyên môn	• Cử nhân Tài chính – Kế toán • Giấy chứng nhận Kế toán trưởng • Giấy chứng nhận Kiểm soát viên chuyên nghiệp
Quá trình công tác	
Từ 11/1991 – 12/1992	Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 04/2003 – 10/2006	Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cấp nước Đồng Tháp
Từ 09/2012 – 03/2017	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Từ 03/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	22.800 cổ phiếu
Tỷ lệ	0,088%

Ông Nguyễn Thanh Hồng– Thành viên BKS	
Năm sinh	02/01/1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhânKế toán
Quá trình công tác	
Từ 2011 - 03/2018	Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Từ 04/2018 - 06/2018	Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Từ 06/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu
Tỷ lệ	0%

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ nhân viên tại ngày 31/12/2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	**Theo trình độ lao động**	**692**	**100%**
1	Trình độ trên đại học	9	1,30%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	249	35,98%
3	Trình độ trung cấp	93	13,44%
4	Công nhân kỹ thuật	68	9,83%
5	Lao động phổ thông	273	39,45%
B	**Theo loại hợp đồng lao động**	**692**	**100%**
1	Hợp đồng không thời hạn	642	92,77%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 01 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 01 - 03 năm	50	7,23%
C	**Theo giới tính**	**692**	**100%**
1	Nam	517	74,71%
2	Nữ	175	25,29%
	Tổng cộng	**692**	**100%**

Chính sách lương, thưởng và trợ cấp

Đảm bảo công bằng và công khai chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả làm việc và chất lượng làm việc; tạo môi trường làm việc tốt nhất, khả năng thăng tiến…nhằm tạo động lực cho cán bộ công nhân viên sáng tạo trong công việc, khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao.

Bên cạnh đó, Công ty còn có những chính sách khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật, giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	10.446.000	10.860.000	10.854.000

Chính sách phúc lợi

Công ty luôn thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, bên cạnh những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, DWS còn có những chính sách đãi ngộ nhân viên dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau, khó khăn.

Chính sách tuyển dụng

Cán bộ công nhân viên được thi tuyển, lựa chọn đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất, đạo đức, khả năng làm việc nhóm tốt.

Thay đổi nhân sự

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	6/6/2018	
2	Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng		01/5/2019

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kể từ ngày 26/04/2017, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu của năm 2017 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường đô thị Đồng được tính từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	180.478	260.500	287.158	110,23%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	13.670	18.500	23.450	126,76%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.796	18.500	23.785	128,57%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.418	16.650	21.406	128,56%

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đạt được những kết quả tích cực. Các số liệu đều vượt mức kế hoạch đã đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 287,158 tỷ đồng, vượt 10,23% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế vượt 28,56% so với kế hoạch và đạt 21,405 tỷ đồng trong năm qua.

Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	Triệu đồng	1.877	1,04%	2.998	1,04%
Doanh thu bán thành phẩm	Triệu đồng	137.707	76,3%	222.216	77,38%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	35.934	19,91%	53.766	18,72%
Doanh thu hợp đồng xây dựng	Triệu đồng	4.961	2,75%	8.178	2,85%
Tổng cộng	**Triệu đồng**	**180.478**	**100%**	**287.158**	**100%**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt. Đây cũng là mảng đem lại nguồn thu chính cho Công ty. Trong năm qua, doanh thu bán thành phẩm đạt 222,216 tỷ đồng, chiếm 77,38% trong cơ cấu doanh thu của DOWASEN. Doanh thu cung cấp dịch vụ như thu gom rác đạt 53,766 tỷ đồng, chiếm 18,72%. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện thi công các công trình cấp thoát nước, nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu, đạt hơn 8 tỷ đồng trong năm qua và chiếm 2,85%.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2018, Công ty không có khoản đầu tư dự án lớn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	883.826	1.025.600
Doanh thu thuần	Triệu đồng	180.478	287.158
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	13.670	23.450
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.796	23.785
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.418	21.406
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	1,60%	4,00%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,34	0,17
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,24	0,11
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	58,35	70,42
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	140,14	238,07
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,51	5,91
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,21	0,30
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,88	13,73
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,43	11,73
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,47	4,13
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,57	8,28

Khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty hiện tương đối thấp. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt là 0,17 lần và 0,11 lần. Tại thời điểm cuối năm, giá trị tài sản ngắn hạn là 98,574 tỷ đồng, trong khi đó nợ ngắn hạn là 587,186 tỷ đồng. Khoản nợ ngắn hạn này chủ yếu dùng để chi cho các dự án mạng lưới cấp nước của Công ty và Dự án thoát nước thành phố Cao Lãnh do Công ty làm chủ đầu tư. Sau khi hoàn thành sẽ bàn giao lại cho UBND Tỉnh quản lý.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản của DOWASEN năm 2018 là 70,42%, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 238,07%. Nợ trong năm bao gồm các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn phục vụ cho mục đích xây dựng các dự án hệ thống cấp nước tại tỉnh Đồng Tháp.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Để sản xuất và cung cấp nước sạch cho cộng đồng, các doanh nghiệp cấp nước cần có hệ thống xử lý nước, bể chứa, mạng lưới đường ống dẫn nước,... Do đó, tài sản của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này thường có giá trị rất lớn. Điều này làm cho tỷ số doanh thu thuần trên tổng tài sản tương đối nhỏ.
Vòng quay tổng tài sản của DWS nằm ở mức 0,30 vòng. Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho của DWS năm 2018 tương đối nhanh, đạt 5,91 vòng. Chỉ số này cho thấy Công ty đang quản lý hàng tồn kho khá tốt. Trong năm, hàng tồn kho của Công ty là nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh là 31,12 tỷ đồng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2018, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng cho thấy Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả. Nhờ vào công tác mở rộng mạng lưới phân phối nước, tăng thêm lượng khách hàng tiêu thụ, doanh thu của Công ty đạt 286,948 tỷ đồng. Kết hợp với hiệu quả từ công tác quản lý chi phí, lợi nhuận sau thuế đạt 39,387 tỷ đồng. Sự gia tăng này góp phần làm cho các chỉ tiêu ROE, ROA lần lượt là 11,73% và 4,13%. Tỷ số lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng đạt kết quả ấn tượng, lần lượt là 13,73% và 8,28%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ: 259.181.300.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành:

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 25.918.130 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: Không có

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 25.918.130 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**594**	**25.918.130**	**259.181.300.000**	**100%**
	Cổ đông nhà nước	1	22.185.480	221.854.800.000	85,60%
	Cổ đông tổ chức	1	1.000	10.000.000	0.00%
	Cổ đông tổ chức	592	3.731.650	37.316.500.000	14,4%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**	**0.00%**
	Cá nhân	-	-	-	0.00%
	Tổ chức	-	-	-	0.00%
3	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**	**0.00%**
	Tổng cộng	**594**	**25.918.130**	**259.181.300.000**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 24/09/2018

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ//VĐL
Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp	Số 12 đường 30/04, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	22.185.480	85,60%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 30/06/2018, DOWASEN thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 15 với vốn điều lệ mới là 259.181.300.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

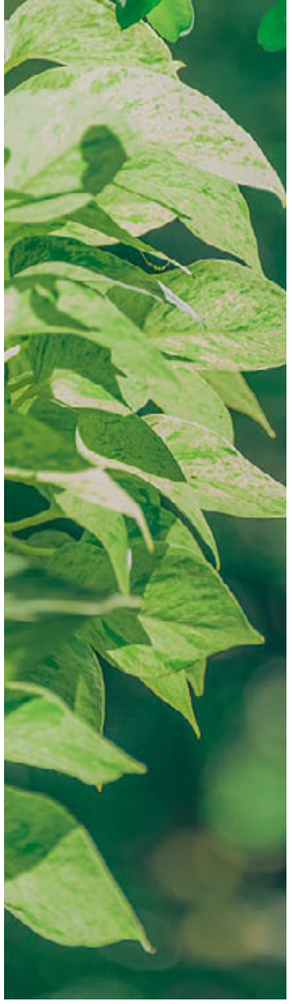

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý nước, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống và sức khỏe người tiêu dùng.

Tiết kiệm năng lượng

Năng lượng Công ty tiêu thụ chủ yếu là điện năng dùng để vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,… Công ty chủ trương thực hiện và kêu gọi cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

Tình hình tiêu thụ nước

Với đặc thù của ngành cấp nước, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty. Nguồn nước được Dowasen lấy chủ yếu từ sông và nguồn nước ngầm, sau quá trình xử lý lắng, lọc nước, diệt khuẩn,… nguồn nước thành phẩm được bơm đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống.

Dowasen luôn chú trong đến chất lượng nước được sản xuất ra, thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước và đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn trong QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty còn đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động từ thiện, tuyên truyền nhận thức.
- Trong năm, Công ty tiếp tục chăm lo chính sách cho người lao động trong các dịp tết cổ truyền, hỗ trợ học tập để tặng cho con cán bộ, công nhân viên, và các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích trong học tập. Công ty cũng thực hiện giải quyết chế độ hưu trí và các trường hợp nghỉ việc theo nguyện vọng.
- Công ty nói chung và cán bộ người lao động nói riêng cùng đồng lòng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai như lương thực và đóng góp vào quỹ tấm lòng vàng.
- Tham gia các phong trào hiến máu, tình nguyện trên địa bàn.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	260.500	287.158	110,23%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	16.650	21.406	128,56%

Thuận lợi

- Sản phẩm cung cấp có tính đặc thù cao: Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch là hoạt động có tính đặc thù cao. Phần lớn các doanh nghiệp quy mô lớn tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực này là doanh nghiệp nhà nước hoặc có tiền thân là doanh nghiệp nhà nước. Việc xây dựng hệ thống cấp nước phải đảm bảo phù hợp chủ trương, quy hoạch của nhà nước, tính pháp lý và yêu cầu về tài chính. DOWASEN với tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, là đơn vị đầu ngành sản xuất và cung ứng nước sinh hoạt cho hộ dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nên có những lợi thế nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Được sự hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Là công ty cổ phần với cổ đông nhà nước nắm cổ phần chi phối, DOWASEN được sự quan tâm, hỗ trợ và giám sát của UBND tỉnh Đồng Tháp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Có thị trường ổn định và ít cạnh tranh: Do Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp hoạt động mang tính công ích và vừa được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước nên có thị trường, khách hàng sử dụng nước và dịch vụ môi trường đô thị tương đối ổn định, tăng trưởng đều hàng năm. Ngoài các dự án cấp nước nhỏ lẻ khu vực nông thôn thuộc sở hữu tư nhân, Công ty không có doanh nghiệp có quy mô tương đối cạnh tranh trên địa bàn trong lĩnh vực cấp nước.

Khó khăn

- Giá đầu ra phụ thuộc vào quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp: Đơn giá cung cấp nước sạch và môi trường đô thị do UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt thep từng thời kỳ. Hoạt động cấp nước là hoạt động kinh doanh chính yếu của Công ty nên sự thay đổi về đơn giá cung cấp nước sạch của UBND tỉnh Đồng Tháp sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Không còn được sự hỗ trợ về vốn của UBND tỉnh Đồng Tháp cho các dự án cấp nướ do DOWASEN đã chuyển sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần: Với loại hình Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước, DOWASEN được sự hỗ trợ của Chủ sở hữu (UBND tỉnh Đồng Tháp) về vốn cho các dự án cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần, việc huy động vốn từ cổ đông Nhà nước sẽ khó thực hiện hơn so với trước khi cổ phần hóa.
- Thiếu vốn để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước: Do cơ cấu lợi nhuận định mức trong giá thành thấp, vốn vay ngân hàng thì áp lực về lãi suất và thời gian hoàn vốn trong khi các dự án cấp nước yêu cầu lớn về vốn nhưng có tỷ suất sinh lợi không cao nên không hấp dẫn nhà đầu tư.
- Hoạt động thu gom rác chưa hiệu quả: Do chưa có cơ chế xử lý hiệu quả đối với những đối tượng xả rác bừa bãi và đối tượng không thanh toán phí rác thải. Trong khi đó, tỉnh Đồng Tháp chủ yếu là nông dân với trình độ dân trí còn hạn chế nhiều và chưa có ý thức trong công tác vệ sinh môi trường và bỏ rác đúng nơi quy định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	120.924	98.574
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	762.902	927.026
Tổng tài sản	**Triệu đồng**	**883.826**	**1.025.600**

Với đặc điểm của doanh nghiệp cấp nước, tỷ trọng tài sản dài hạn luôn chiếm chủ yếu trong cơ cấu tài sản của Công ty, trong đó phần lớn là các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch như hệ thống máy xử lý lý nước, mạng lưới ống cung cấp nước, các bể chứa,… Cụ thể, tại thời điểm cuối năm 2018, giá trị tài sản dài hạn là 927,026 tỷ đồng, chiếm 90,39% tổng tài sản. Trong tài sản dài hạn, tài sản cố định có giá trị 429,916 tỷ đồng, bên cạnh đó còn có tài sản dở dang dài hạn đạt 485,096 tỷ đồng là các công trình mạng lưới cấp nước đang trong quá trình xây dựng. Đây cũng là các khoản có giá trị lớn trong cơ cấu tài sản của DOWASEN, điều này cho thấy Công ty đang tập trung đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn của Công ty là 98,574 tỷ đồng, chiếm 9,61% trong tổng tài sản.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	360.034	587.186
Nợ dài hạn	Triệu đồng	155.689	135.043
Tổng nợ phải trả	**Triệu đồng**	**515.723**	**722.229**

Tổng kết năm 2018, nợ phải trả của DOWASEN là 722,229 tỷ đồng, chủ yếu đến từ khoản mục nợ ngắn hạn. Trong năm qua, nợ ngắn hạn của Công ty là 587,186 tỷ đồng, chiếm 81,3% trong cơ cấu nợ của Công ty. Nguyên nhân làm cho nợ ngắn hạn tăng cao so với năm 2017 là khoản mục phải trả ngắn hạn khác với 503,981 tỷ đồng. Đây là các khoản trả liên quan đến các Công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn Đối ứng ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, nợ dài hạn của Công ty có giá trị là 135,043 tỷ đồng do vay và nợ thuê tài chính nhằm phục vụ cho việc xây dựng các dự án hệ thống cấp nước tại tỉnh Đồng Tháp.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

- Công ty luôn có những điều chỉnh về mặt tổ chức và quản lý để phù hợp định hướng phát triển đã thông qua Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Công ty đã tiến hành tổng kết định kỳ hàng quý, giao các chỉ tiêu nội bộ cho các đơn vị trực thuộc nhằm góp phần tăng năng suất lao động, nhất là nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ, người lao động.
- Tiếp tục phát huy việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn; đầu tư phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước, hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa và phát hiện sai sót kịp thời.
- Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ kỹ thuật mới, các vật tư, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với yêu cầu của hệ thống cấp nước vào công tác quản lý doanh nghiệp và quản lý khách hàng.
- Công ty luôn chú trong đào tạo nguồn lực sẵn có, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, công nhân viên. Tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tạo điều kiện giao lưu, gắn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
Vốn điều lệ	Đồng	259.181.130.000
Sản Lượng	m^3	28.593.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	22.320.000.000
Tỉ lệ cổ tức	%	4,20%

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích cho cổ đông. Công ty luôn nỗ lực xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu của mình, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng trong và ngoài nước. Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động của công ty được tiến hành theo điều lệ và quy chế quản trị của Công ty. Từng bước rà soát lại và xây dựng quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng. DOWASEN luôn xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh và xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Ban Tổng giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đề ra.
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Hàng quý, Ban Tổng giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty.
- Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
Doanh thu thuần	Đồng	280.000.000.000
Doanh thu nước sinh hoạt	Đồng	226.700.000.000
Doanh thu vệ sinh môi trường	Đồng	48.500.000.000
Doanh thu xây lắp	Đồng	-
Doanh thu nước đóng chai	Đồng	4.800.000.000
Doanh thu khác và thu nhập khác	Đồng	-

Các biện pháp hoàn thành

Công tác quản trị

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại.
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp.
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT.
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ; Thường xuyên cập nhập, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

Về đầu tư

Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, cải tiến liên tục. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Về tài chính

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

Về nguồn nhân lực

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ công tác nhân sự.

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN ĐIỀU HÀNH
- THƯỞNG, GIAO DỊCH VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phan Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	14/14	100%	
2	Nguyễn Văn Để	Thành viên HĐQT	14/14	100%	
3	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	14/14	100%	
4	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	14/14	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	13/NQ-HĐQT	29/3/2018	Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trình nguồn, tuyến ống cấp nước năm 2018
2	14/NQ-HĐQT	29/3/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Kế hoạch tuyển dụng năm 2018 tại Công ty. • Chủ trương huy động vốn nhằm đáp ứng nguồn để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động cấp nước năm 2018. • Chủ trương sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức của Công ty liên quan đến số lượng các chi nhánh. • Chủ trương về việc phân công, bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo chi nhánh Dịch vụ Môi trường và các chi nhánh Cấp nước. • Việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty TNHH Nước Đồng Tháp và các vấn đề có liên quan. • Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Công nghệ thông tin Công ty.
3	15/NQ-HĐQT	02/5/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 (26/4/2017-31/12/2017) và phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017 theo tờ trình của Tổng Giám đốc. • Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. • Thống nhất thời điểm chốt danh sách cổ đông cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông. • Kế hoạch và lộ trình dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 • Chương trình, tài liệu tham dự đại hội để gửi cho cổ đông kèm theo thư mời và công bố thông tin theo quy định.
4	16/NQ-HĐQT	9/5/2018	Phê duyệt chủ trương tham dự đấu giá mua lại Hệ thống cấp nước do DNTN Xây dựng Tiến Dũng làm chủ sở hữu, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành.
5		24/5/2018	Phê duyệt chủ trương vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, chiết khấu,… và bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.
6	17/NQ-HĐQT	11/6/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Chủ trương sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp và hoàn tất các thủ tục hồ sơ thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. • Chủ trương chào giá cạnh tranh lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
7	18/NQ-HĐQT	18/6/2018	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY để thực hiện gói dịch vụ kiểm toán năm 2018.
8	19/NQ-HĐQT	29/06/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Kết quả lựa chọn nhân sự để xét tuyển vị trí Giám đốc các chi nhánh cấp nước. • Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. • Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty. • Phân công công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
9	20/NQ-HĐQT	12/08/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty giai đoạn 2017-2022 (rà soát, bổ sung năm 2018). • Danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty giai đoạn 2022-2027 (rà soát, bổ sung năm 2018).
10	21/NQ-HĐQT	31/08/2018	Thống nhất Kế hoạch và lộ trình dự kiến tổ chức Đại hội cổ đông bất thường nhằm thông qua việc thay đổi phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty (từ 409 tỷ đồng lên 435 tỷ đồng) nhằm đầu tư và nâng cấp các trạm cấp nước sạch nông thôn trong Tỉnh.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
11	22/NQ-HĐQT	14/09/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Kế hoạch triển khai công tác chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông. • Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2018 của 07 người quản lý chuyên trách. • Thông qua và ban hành Quy chế Công tác tổ chức cán bộ của Công ty. • Kết quả lựa chọn nhân sự để xét tuyển vị trí Phó Giám đốc các chi nhánh cấp nước. • Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Cấp nước số 3, Chi nhánh Cấp nước số 5 và Chi nhánh Cấp nước số 6.
12	23/NQ-HĐQT	28/09/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Chính thức đổi tên Chi nhánh Cấp nước số 1 thành Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền, Chi nhánh Cấp nước số 2 thành Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền và Chi nhánh Cấp nước số 4 thành Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền. • Bổ nhiệm nhân sự đảm nhận các chức Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh Cấp nước vừa được hợp nhất. • Dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường theo dự kiến.
13	24/NQ-HĐQT	16/10/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Chủ trương xây dựng lại mô hình quản lý, cơ cấu tổ chức của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường trực thuộc Công ty và quy định về đối tượng được tham gia dự tuyển chức danh Phó Giám đốc Chi nhánh theo mô hình quản lý mới. • Thành lập Tổ Quản trị nội bộ Công ty và nhân sự đề cử cho từng chức theo kiến nghị của Tổng Giám đốc Công ty. • Bổ nhiệm chức danh Giám đốc và Phó Giám đốc Chi nhánh nước đóng chai DOWASEN trực thuộc Công ty. • Kế hoạch điều động nhận theo nội dung báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty.
14	25/NQ-HĐQT	30/11/2018	Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 2 chức danh Phó Giám đốc Chi nhánh Dịch vụ Môi trường trực thuộc Công ty.
15	26/NQ-HĐQT	24/12/2018	Phê chuẩn các nội dung sau: • Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý và nhiệm vụ của từng phòng, khu vực quản lý của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường trực thuộc Công ty theo kiến nghị của Tổng Giám đốc. • Kế hoạch sắp xếp nhân sự quản lý theo mô hình quản lý mới của Chi nhánh Dịch vụ Môi trường theo kiến nghị của Tổng Giám đốc.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện tại Dowasen chưa thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT. Các lĩnh vực có liên quan đến nhân sự, lương thưởng, chính sách phát triển….Hội đồng quản trị phân công từng thành viên phụ trách.

BAN KIỂM SOÁT

Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	6/6	100%	
2	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS	6/6	100%	
3	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	6/6	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Giám sát Công ty thực hiện các bước chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần: Giấy phép kinh doanh; đăng ký Công ty đại chúng trên sàn UPCoM;….
- Giám sát việc điều chỉnh lại vốn Nhà nước tại Công ty của Bộ Tài chính, từ đó mới quyết định vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong cơ cấu vốn điều lệ Công ty CP Cấp nước và MTĐT Đồng Tháp;
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn; kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định,...của Đảng ủy Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành;
- Xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp ý trong công tác quản trị, để ra biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của đơn vị;
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của cổ đông;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Đề xuất chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng, quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, TGĐ Công ty và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Công ty;
- Các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động khác của BKS

Thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: về tài chính, kế toán, chính sách thuế,… nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời các chế độ chính sách mới để làm tốt nhiệm vụ được giao.

THƯỞNG, GIAO DỊCH VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

STT	Họ và tên	Thù lao + Phụ cấp	Thưởng
1	**Hội đồng quản trị**		
	Ông Phan Đình Hùng	418.127.910	128.753.318
	Ông Nguyễn Văn Để	147.992.080	106.462.678
	Ông Nguyễn Thượng Vũ	41.323.560	91.284.364
	Ông Nguyễn Anh Dũng	68.100.000	91.684.364
2	**Ban kiểm soát**		
	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	2.700.000	89.432.299
	Bà Phạm Thị Kim Dung	26.628.140	85.987.586
	Ông Nguyễn Thanh Hồng	32.700.000	6.700.000
3	**Ban điều hành**		
	Ông Nguyễn Văn Để	147.992.080	106.462.678
	Ông Nguyễn Thượng Vũ	41.323.560	91.284.364
	Ông Nguyễn Anh Dũng	68.100.000	91.684.364
	Ông Phạm Chí Thức	135.233.760	90.538.602

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/ Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/ Cho/Tặng/ Thừa kế, …)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Bùi Hồng Nhựt	Phó trưởng phòng CNTT	66,410	Mua	106.590	173.000	14/6/2018
Hồ Minh Cường	Giám đốc CN	28,100	Bán	24.000	4.100	14/6/2018
Trần Quang Vinh	Phó Giám đốc Chi nhánh	10,410	Bán	10.410	-	14/6/2018
Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	14,410	Bán	14.410	-	14/6/2018

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Không có

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

UHY CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Số: 44 /2019/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp ("Công ty") và Công ty con (sau đây gọi tắt chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 09 tháng 04 năm 2019, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty đang theo dõi công nợ phải trả Nhà nước liên quan đến các công trình xây dựng từ nguồn vốn đối ứng và vốn ODA là 472.794.526.051 đồng trên chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319). Bản chất khoản công nợ phải trả này theo dõi nguồn vốn ODA và nguồn vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước để xây dựng các công trình cấp thoát nước và xử lý rác thải mà sau khi hoàn thành sẽ bàn giao lại cho các cơ quan Nhà nước tiếp quản. Tuy nhiên, khoản công nợ này không thể xác nhận được do đây là số dư lũy kế từ nhiều năm trước và Công ty không theo dõi riêng biệt gốc ngoại tệ và VND cho các lần nhận vốn tài trợ. Do đó, Kiểm toán viên không có cơ sở để đánh giá khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến mục 31.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Tại ngày 31/12/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 15.818.051.680 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngày 28/12/2018, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 646/UBND-KTTH về việc xử lý tài sản thuộc dự án liên doanh với WFH tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp, theo đó UBND tỉnh Đồng Tháp giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh Đồng Tháp các thủ tục " Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Nước Đông Bình (bao gồm giá trị phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp là 02 tỷ đồng) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ", đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất các thủ tục nêu trên chưa được thực hiện.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Ngày 27/03/2018, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (Công ty Mẹ) đã tăng quyền biểu quyết và quyền sở hữu tại Công ty TNHH Nước Đồng Tháp từ tỷ lệ 11,51% lên tỷ lệ 100%. Ngày 29/03/2018, Công ty TNHH Nước Đồng Tháp đã hoàn thành thủ tục pháp lý đổi tên thành Công ty TNHH Nước Đông Bình (Công ty Con). Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác không làm ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ★ CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
UHY
MSDN: 0102021062-00

Lê Đức Hạnh
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3340-2017-112-1

Nguyễn Tuấn Vinh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 2067-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**98.573.707.053**	**120.923.827.792**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**40.258.517.784**	**60.631.276.375**
Tiền	111		35.758.517.784	60.631.276.375
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**25.010.119.392**	**26.194.131.415**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.354.302.377	18.393.884.055
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		458.890.100	1.383.340.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.523.995.364	7.157.795.657
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.328.822.242)	(746.060.954)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.753.793	5.172.157
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**31.120.253.373**	**33.260.867.134**
Hàng tồn kho	141		31.120.253.373	33.260.867.134
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.184.816.504**	**837.552.868**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	12.126.934	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		707.825.640	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.464.863.930	837.552.868
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**927.026.427.818**	**762.901.932.374**
Tài sản cố định	**220**		**429.915.984.992**	**411.221.094.805**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	429.466.118.334	409.637.197.850
- Nguyên giá	*222*		*676.793.847.148*	*591.808.325.741*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(247.327.728.814)*	*(182.171.127.891)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	449.866.658	1.583.896.955
- Nguyên giá	*228*		*1.225.065.136*	*2.657.748.213*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(775.198.478)*	*(1.073.851.258)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**12**	**485.069.255.784**	**339.553.603.932**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		485.069.255.784	339.553.603.932
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**84.040.000**	**2.084.040.000**
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		84.040.000	2.084.040.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**11.957.147.042**	**10.043.193.637**
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	11.953.373.337	10.043.193.637
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.773.705	-
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.025.600.134.871**	**883.825.760.166**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**722.229.223.865**	**515.723.024.376**
Nợ ngắn hạn	**310**		**587.186.284.784**	**360.034.008.853**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.430.463.871	78.481.748.864
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.965.789.151	2.053.630.768
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.595.826.786	3.506.771.520
Phải trả người lao động	314		22.893.709.448	29.799.645.660
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.805.531.921	3.224.686.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	503.980.563.081	209.622.125.290
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	32.886.205.000	29.977.128.288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.628.195.526	3.368.272.377
Nợ dài hạn	**330**		**135.042.939.081**	**155.689.015.523**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	134.449.756.487	151.921.314.237
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		593.182.594	3.767.701.286
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**303.370.911.006**	**368.102.735.790**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**303.287.421.582**	**367.993.516.513**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*259.181.300.000*	*355.575.500.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.718.846.275	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.387.275.307	12.418.016.513
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*39.387.275.307*	*12.418.016.513*
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	**18**	**83.489.424**	**109.219.277**
Nguồn kinh phí	431		83.489.424	109.219.277
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.025.600.134.871**	**883.825.760.166**

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Quốc Hưng	Phạm Chí Thức	Nguyễn Văn Để

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**286.947.768.919**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**286.947.768.919**
Giá vốn hàng bán	11	20	190.314.986.663
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**96.632.782.256**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	454.961.670
Chi phí tài chính	22	22	5.014.635.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.014.633.825*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
Chi phí bán hàng	25	23	40.042.165.207
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	28.257.880.172
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.773.062.725**
Thu nhập khác	31	24	18.167.791.214
Chi phí khác	32	25	125.167.391
Lợi nhuận khác	**40**		**18.042.623.823**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**41.815.686.548**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.432.184.946
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.773.705)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**39.387.275.307**
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		39.387.275.307
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**725**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**28**	**459**

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Quốc Hưng	Phạm Chí Thức	Nguyễn Văn Để

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**41.815.686.548**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33.985.810.459
Các khoản dự phòng	03		582.758.878
Lãi hoạt động đầu tư	05		(454.961.670)
Chi phí lãi vay	06		5.014.633.825
Các điều chỉnh khác	07		-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***80.943.928.040***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.669.741.236
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.477.822.565
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		203.699.805.175
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(572.337.092)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.226.299.267)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.110.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(141.778.942.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***139.103.718.101***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(134.863.885.527)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		139.097.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(139.224.787.654)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33		15.890.819.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.453.300.038)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.689.208.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(20.251.689.038)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(20.372.758.591)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**60.631.276.375**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**40.258.517.784**

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Quốc Hưng	Phạm Chí Thức	Nguyễn Văn Để

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu đường, thoát nước vỉa hè, công viên cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghệ thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng số công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất : 01
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất : 0

Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018:

- Tên Công ty: Công ty TNHH Nước Đông Bình
- Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
- Địa chỉ: Số 210, Tổ 7, Cả Tắc, Ấp Đông Bình, Xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100% (*).

(*) Ngày 27/3/2018, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Nước Đông Bình từ 11,51% lên 100%. Kể từ ngày này, Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát tại Công ty TNHH Nước Đông Bình. Công ty đang hợp nhất theo giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày 01/4/2018 (ngày hợp nhất) là 20.026.178.403 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018
Chi nhánh Cấp nước số 1	Số 207b, Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Nam Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Đông Bắc Sông Tiền
Chi nhánh Cấp nước số 3	Khóm Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 03
Chi nhánh Cấp nước số 4	Quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp	Đổi tên thành Chi nhánh cấp nước Tây Bắc Sông Tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Theo NQ 02 của ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018
Chi nhánh Cấp nước số 5	Quốc lộ 80, Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 05
Chi nhánh Cấp nước số 6	Đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp	Chấm dứt hoạt động chi nhánh 06
Chi nhánh Xây dựng và Vật tư	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Dịch vụ Môi Trường	Số 15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng và Cấp nước	Số 01, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	
Chi nhánh Nước Đóng chai DOWASEN	Số 01, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Công ty sở hữu 100% quyền biểu quyết tại Công ty con - Công ty TNHH Nước Đông Bình kể từ ngày 27/03/2018. Công ty xác định không có giao dịch đáng kể từ ngày 27/03/2018 đến ngày 31/03/2018 nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/12/2018.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua rẻ) được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 và Khoản 2, Điều 20 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính và được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.

- Đối với doanh thu, thu nhập từ quá trình khai thác, xử lý và cung cấp nước của Công ty TNHH Nước Đông Bình được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động và Công ty được miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính hợp nhất vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về "Báo cáo Bộ phận" yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn "Áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính".

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công cụ tài chính phức hợp

Trong năm 2018, Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Tiền mặt	1.662.201.493	932.384.620
Tiền gửi ngân hàng	34.096.316.291	59.698.891.755
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	-
Cộng	**40.258.517.784**	**60.631.276.375**

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tỉnh Đồng Tháp và Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Tháp.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**20.354.302.377**	**18.393.884.055**
- Phải thu nước sinh hoạt	5.034.911.059	5.901.109.265
- BQL công trình nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực chợ cá Cao Lãnh	682.722.000	-
- Ban Quản Lý Công Trình Công Cộng Huyện Cao Lãnh	755.322.000	-
- Ban Quản Lý Chợ Thành Phố Cao Lãnh	2.114.552.000	1.057.276.000
- Ban Quản Lý Công Trình Công Cộng Thành Phố Cao Lãnh	3.547.240.000	3.379.341.000
- Ban Quản Lý Công Trình Đô Thị Thành Phố Sa	2.595.099.675	1.521.046.900
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.624.455.643	6.535.110.890
b) Phải thu dài hạn của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	**5.523.995.364**	**7.157.795.657**
Tạm ứng	3.811.179.688	5.549.618.062
Ký cược, ký quỹ	108.247.254	15.589.000
Phải thu thuế TNCN	1.384.685.736	536.528.125
Phải thu lãi dự thu	11.090.411	-
Bảo hiểm thất nghiệp	201.915.758	-
UBND tỉnh bổ sung vốn điều lệ (*)	-	207.758.799
Ban QLDA - Chi phí quản lý Dự án	-	834.552.688
Phải thu khác	6.876.517	13.748.983
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**5.523.995.364**	**7.157.795.657**

(*) Đây là khoản chênh lệch thiếu giá trị phần vốn góp Nhà nước sau khi quyết toán cổ phần hóa so giá trị phần vốn góp đó tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo Công văn số 1445/STC-TCND ngày 09/06/2018 của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	**12.126.934**	**-**
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.126.934	-
b) Dài hạn	**11.953.373.337**	**10.043.193.637**
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	6.954.080.471	7.014.839.435
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.138.108.488	1.842.730.638
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	175.035.645	201.223.744
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	2.392.321.492	515.874.526
- Chi phí thi công sơn nước, sơn dầu nhà hệ điều hành, cụm xử lý và trạm bơm cấp 2	103.613.137	-
- Chi phí gia cố cầu phao chống sạt lở	50.911.108	-
- Chi phí thi công đường ống D400 và thi công công nghệ nước thô Nhà máy nước Đông Bình	416.464.762	-
- Chi phí khác	722.838.234	468.525.294
Cộng	**11.965.500.271**	**10.043.193.637**

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.780.860.878	-	22.813.956.697	-
Công cụ, dụng cụ	1.188.659.897	-	339.633.739	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.930.189.684	-	10.047.446.856	-
Thành phẩm	169.762.003	-	59.829.842	-
Hàng hóa	50.780.911	-	-	-
Cộng	**31.120.253.373**	**-**	**33.260.867.134**	**-**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2018	**303.672.545.442**	**46.658.499.662**	**240.841.266.369**	**636.014.268**	**591.808.325.741**
- Tăng do hợp nhất với Công ty	4.631.987.435	25.753.682.580	265.574.790	-	30.651.244.805
- Tăng do mua mới	1.650.313.685	1.276.279.478	679.521.091	190.892.727	3.797.006.981
- Đầu tư XDCB hoàn thành	19.371.144.765	735.537.479	20.580.527.803	-	40.687.210.047
- Tăng do điều chuyển	3.122.911.564	30.000.000	6.793.731.950	291.000.000	10.237.643.514
- Tăng do điều chỉnh (*)	1.309.253.842	-	-	-	1.309.253.842
- Giảm do điều chuyển	(276.000.000)	-	-	-	(276.000.000)
- Giảm do điều chỉnh (*)	(1.382.317.782)	-	-	(38.520.000)	(1.420.837.782)
Tại 31/12/2018	**332.099.838.951**	**74.453.999.199**	**269.160.622.003**	**1.079.386.995**	**676.793.847.148**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2018	**(60.710.067.413)**	**(19.334.489.593)**	**(101.703.659.963)**	**(422.910.922)**	**(182.171.127.891)**
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	(268.129.775)	(12.946.919.099)	(265.574.790)	-	(13.480.623.664)
- Khấu hao trong năm	(27.665.493.500)	(5.273.225.588)	(18.504.991.790)	(232.266.381)	(51.675.977.259)
Tại 31/12/2018	**(88.643.690.688)**	**(37.554.634.280)**	**(120.474.226.543)**	**(655.177.303)**	**(247.327.728.814)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	**242.962.478.029**	**27.324.010.069**	**139.137.606.406**	**213.103.346**	**409.637.197.850**
Tại 31/12/2018	**243.456.148.263**	**36.899.364.919**	**148.686.395.460**	**424.209.692**	**429.466.118.334**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 8.287.202.165 đồng.
(*) Điều chỉnh TSCĐ theo Quyết định 792/QĐ-TTr ngày 05/09/2018 của Thanh Tra tỉnh Đồng Tháp

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2018	**1.480.959.350**	**312.088.000**	**864.700.863**	**2.657.748.213**
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	-	149.033.500	-	149.033.500
- Tài sản điều chuyển	400.000.000	-	-	400.000.000
- Giảm do phân loại lại	(1.480.959.350)	-	(500.757.227)	(1.981.716.577)
Tại 31/12/2018	**400.000.000**	**461.121.500**	**363.943.636**	**1.225.065.136**
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại 01/01/2018	**(94.075.649)**	**(312.088.000)**	**(667.687.609)**	**(1.073.851.258)**
- Tăng do hợp nhất với Công ty con	-	(85.966.839)	-	(85.966.839)
- Giảm do phân loại lại	102.082.157	-	313.759.113	415.841.270
- Khấu hao trong năm	(8.006.508)	(13.200.003)	(10.015.140)	(31.221.651)
Tại 31/12/2018	**-**	**(411.254.842)**	**(363.943.636)**	**(775.198.478)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2018	**1.386.883.701**	**-**	**197.013.254**	**1.583.896.955**
Tại 31/12/2018	**400.000.000**	**49.866.658**	**-**	**449.866.658**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 737.065.136 đồng.

12. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**485.069.255.784**	**485.069.255.784**	**339.553.603.932**	**339.553.603.932**
- Dự án Thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh (*)	450.785.659.878	450.785.659.878	292.437.193.973	292.437.193.973
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới tiền - Công suất 3000m3/ngày đêm (*)	22.344.123.908	22.344.123.908	21.558.033.545	21.558.033.545
- Xây dựng TCN ngầm ấp Phú Long. HM: Giếng khoan khai thác 70m3/h và trám lấp giếng hiện hữu, KDC Phú Long, Sa Đéc (*)	-	-	1.994.242.545	1.994.242.545
- Đường nội bộ vào nhà máy XLR thải Công nghiệp và nguy hại. HM: Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng.ĐĐ: xã Mỹ Thọ, HCL.ĐT (*)	1.757.471.000	1.757.471.000	71.818.000	71.818.000
- Các công trình khác	10.182.000.998	10.182.000.998	23.492.315.869	23.492.315.869
Cộng	**485.069.255.784**	**485.069.255.784**	**339.553.603.932**	**339.553.603.932**

(*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA của Ngân hàng Tái Thiết Đức (KFW). Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Tháp.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**13.430.463.871**	**13.430.463.871**	**78.481.748.864**	**78.481.748.864**
- Liên danh GECPL - SFC Việt Nam (*)	2.802.611.000	2.802.611.000	67.300.795.724	67.300.795.724
- Liên Đoàn Quy Hoạch & Điều Tra Tài Nguyên Nước Miền Nam	-	-	2.496.077.000	2.496.077.000
- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Minh Nghi	1.158.719.953	1.158.719.953	6.012.820	6.012.820
- Công ty Cổ phần Nước Lành	922.753.000	922.753.000	-	-
- Công ty Cổ phần SAMECO	830.641.900	830.641.900	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	7.715.738.018	7.715.738.018	8.678.863.320	8.678.863.320
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

(*) Đây là nhà thầu chính thực hiện xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh được nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và ODA tài trợ toàn bộ. Sau khi công trình hoàn thành, Công ty sẽ chuyển giao lại Công trình cho UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ theo Công văn số 1445/STC-TCDN của Sở tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 09/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Điều chỉnh giảm khác (*)	Tại 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	**3.506.771.520**	**38.183.541.416**	**36.034.486.150**	**60.000.000**	**5.595.826.786**
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.659.752.141	9.663.795.955	9.997.855.967	-	1.325.692.129
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.061.931	2.432.184.946	2.163.463.256	-	628.783.621
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.018.010.257	574.052.841	60.000.000	1.383.957.416
- Thuế tài nguyên	412.579.175	9.726.059.003	9.783.624.577	-	355.013.601
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.094.884	2.094.884	-	-
- Các loại thuế khác	-	765.502.467	22.000.000	-	743.502.467
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.074.378.273	13.575.893.904	13.491.394.625	-	1.158.877.552
Cộng	**3.506.771.520**	**38.183.541.416**	**36.034.486.150**	**60.000.000**	**5.595.826.786**
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	16.570.277	-	16.570.277
- Thuế thu nhập cá nhân	837.552.868	-	610.740.785	-	1.448.293.653
Cộng	**837.552.868**	**-**	**610.740.785**	**-**	**1.464.863.930**

(*) Đây là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập cá nhân liên quan đến khoản thù lao của chuyên gia Hà Lan năm 2016 nhưng thực tế không phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	**503.980.563.081**	**209.622.125.290**
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	11.763.845.713
- Kinh phí công đoàn	45.441.322	8.743.300
- Bảo hiểm xã hội	244.826.358	-
- Bảo hiểm y tế	47.491.481	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	34.297.389.350
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.524.449.300	1.312.925.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	502.118.354.620	162.239.221.427
Thuế thu nhập cá nhân nhân viên	*574.833.331*	-
Liên danh GECPL-SFC	*497.098.000*	-
Dịch vụ Tư vấn Giám sát FICHTNER	*541.796.650*	-
Phí nước thải	*3.390.104.154*	*2.112.875.116*
Chi phí đồng phục	*2.151.942.000*	*2.556.042.000*
Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	*13.352.000.000*	*13.352.000.000*
Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	*954.559.000*	*537.318.326*
Dự án thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	*445.437.066.204*	*119.894.175.972*
Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền (**)	*10.818.544.000*	*10.833.823.000*
Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	*6.356.564.656*	*6.356.564.656*
Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	*3.858.024.691*	*3.858.024.691*
Dự án đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)	*1.491.100.000*	*783.210.000*
Hệ thống cấp nước xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò (Sở Tài Chính)	*5.875.494.000*	-
Hệ Thống CN Thường Thới Tiền 3000m3/ngày đêm (**)	*4.833.226.500*	*38.137.000*
Bệnh viện Đa Khoa Đồng Tháp (*)	*1.002.692.350*	*1.002.692.350*
Phòng Tài Chính Kế Hoạch TP.Cao Lãnh	*483.030.000*	*483.030.000*
Phải trả khác	*500.279.084*	*431.328.316*
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**503.980.563.081**	**209.622.125.290**

(*) Đây là khoản Công ty mượn 09 xe ép rác và 1 ôtô chở rác với tổng giá trị 14.354.692.350 đồng, Công ty đang theo dõi các tài sản mượn này trên danh mục tài sản cố định của Công ty.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các Công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn Đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCDN của Sở tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 09/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2018		Trong năm		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	**32.886.205.000**	**32.886.205.000**	**26.870.376.750**	**23.961.300.038**	**29.977.128.288**	**29.977.128.288**
Ngân Hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Tháp	-	-	-	6.888.516.470	6.888.516.470	6.888.516.470
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam (*)	12.984.000.000	12.984.000.000	6.492.000.000	6.492.000.000	12.984.000.000	12.984.000.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Tháp (**)	19.902.205.000	19.902.205.000	20.378.376.750	10.580.783.568	10.104.611.818	10.104.611.818
Vay dài hạn	**134.449.756.487**	**134.449.756.487**	**15.627.493.000**	**33.099.050.750**	**151.921.314.237**	**151.921.314.237**
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam (*)	79.169.415.487	79.169.415.487	-	12.984.000.000	92.153.415.487	92.153.415.487
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Tháp (**)	55.280.341.000	55.280.341.000	15.627.493.000	20.115.050.750	59.767.898.750	59.767.898.750
Cộng	**167.335.961.487**	**167.335.961.487**	**42.497.869.750**	**57.060.350.788**	**181.898.442.525**	**181.898.442.525**

(*)
1. Khoản vay theo Dự án Hà Lan của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp An Giang
   - Tổng mức vay: 47.799.451.487 đồng
   - Mục đích vay: Xây dựng, cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước Thị Xã Cao Lãnh
   - Lãi suất: 3%/năm, thời hạn vay 12 năm
   - Kỳ hạn trả nợ: 24 kỳ, Kỳ trả gốc đầu tiên: Kỳ 29/5/2009; Kỳ trả gốc cuối cùng: Kỳ 30/11/2020
2. Khoản vay theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.
   - Số tiền vay: 112.460.000.000 đồng
   - Mục đích vay: Vốn vay được sử dụng để đầu tư tài sản cố định của Dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 10.000 m3/ngày đêm – hạng mục xây dựng và thiết bị.
   - Lãi suất: 0,3%/năm, thời hạn vay 15 năm kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 2,5 năm.
   - Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(**) Là tổng vốn vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị, tài sản đảm bảo: Tín chấp

Và bao gồm chi tiết các khoản vay như sau:

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn	Lãi suất
- HĐ số 06/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 31/12/2013	Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Mân huyện Châu Thành	3.291.411.000	7 năm	6%/năm
- HĐ số 02/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 28/03/2014	Dự án Trạm cấp nước tuyến dân cư thị xã Lai Vung	465.005.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 26/12/2014	Dự án Trạm Cấp nước KCN xã Mỹ Hiệp	2.350.000.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự 1.500m3/ngd	3.507.272.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 26/10/2014	Dự án Hệ thống Cấp nước xã Thường Thới Tiền huyện Hồng Ngự 3.000m3/ngd	1.238.285.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 05/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng Hệ thống Cấp nước, thị xã Hồng Ngự 10.000m3/ngd	15.733.702.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 14/06/2017	Cầu Cái Sao Thượng đến Khu 500 căn	3.579.443.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 01/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 25/02/2018	Dự án Xây dựng Khoan 2 giếng tại KDC Phú Long, TP Sa Đéc và xã Phương Trà, GĐ 2 - công suất 2.400 m3/ngày đêm	2.487.568.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 07/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống Cấp nước truyền tải từ Nhà máy nước mặt Đông Bình về TP. Cao Lãnh	17.746.316.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 08/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 17/7/2017	Dự án Công trình Nhà máy nước Đông Bình - công suất 5.000 m3/ngày đêm	17.153.436.000	8 năm	6%/ năm
- HĐ số 04/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 29/5/2018	Dự án Công trình Nhà máy nước mặt Đông Bình - công suất 5.000 m3/ngày đêm, đêm GĐ 2, tại xã Hòa An, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	4.545.570.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 28/5/2018	Dự án Công trình Nâng công suất Nhà máy nước mặt huyện Cao Lãnh, GĐ 2 - công suất 2.400 m3/ngày đêm	3.084.538.000	8 năm	6%/năm
- Hợp đồng vay Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan (Vay NHPT)	7.959.451.487	12 năm	3%/năm
- HĐ số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 09/04/2013	Dự án Hệ thống Cấp nước, thị xã Hồng Ngự - công suất 10.000 m3/ngày đêm (Vay NHPT)	84.193.964.000	15 năm	0,3%/năm
TỔNG		**167.335.961.487**		

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
Cổ đông	**Tổng số vốn đã góp**	**Tỷ lệ (%)**	**Tổng số vốn đã góp**	**Tỷ lệ (%)**
	VND		**VND**	
UBND tỉnh Đồng Tháp	221.854.800.000	85,60	318.249.000.000	89,50
Ông Phan Đình Hùng	1.056.000.000	0,41	1.056.000.000	0,30
Ông Nguyễn Văn Để	577.000.000	0,22	577.000.000	0,16
Ông Nguyễn Thượng Vũ	526.000.000	0,20	526.000.000	0,15
Ông Nguyễn Anh Dũng	80.000.000	0,03	80.000.000	0,02
Ông Phạm Chí Thức	339.000.000	0,13	339.000.000	0,10
Cổ đông khác	34.748.500.000	13,41	34.748.500.000	9,77
Cộng	**259.181.300.000**	**100,00**	**355.575.500.000**	**100,00**

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2018	Từ 26/04/2017 đến 31/12/2017
	VND	**VND**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp đầu năm	355.575.500.000	355.575.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	96.394.200.000	-
+ Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	355.575.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(5.689.208.000)	-

17.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	Cổ phiếu	**Cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.918.130	35.557.550
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu phổ thông	*25.918.130*	*35.557.550*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	35.557.550
+ Cổ phiếu phổ thông	*25.918.130*	*35.557.550*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 26/04/2017	**355.575.500.000**	-	-	-	**355.575.500.000**
- Lãi trong kỳ trước	-	-	12.418.016.513	-	12.418.016.513
Tại 31/12/2017	**355.575.500.000**	**-**	**12.418.016.513**	**-**	**367.993.516.513**
Tại 01/01/2018	**355.575.500.000**	**-**	**12.418.016.513**	**-**	**367.993.516.513**
- Điều chỉnh giảm vốn Nhà nước (*)	(96.394.200.000)	-	-	-	(96.394.200.000)
- Lãi trong năm nay	-	-	39.387.275.307	-	39.387.275.307
- Phân phối lợi nhuận năm 2017 (**)	-	4.718.846.275	(12.418.016.513)	-	(7.699.170.238)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	*4.718.846.275*	*(4.718.846.275)*	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	*(1.707.562.238)*	-	*(1.707.562.238)*
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	*(302.400.000)*	-	*(302.400.000)*
+ Chia cổ tức năm 2017	-	-	*(5.689.208.000)*	-	*(5.689.208.000)*
Tại 31/12/2018	**259.181.300.000**	**4.718.846.275**	**39.387.275.307**	**-**	**303.287.421.582**

(*) Theo Công văn số 2429/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 05/03/2018 về việc bàn giao lại dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Tp.Cao Lãnh cho chủ sở hữu là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm 01/01/2016 với số tiền 96.394.197.809 đồng, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ tại Công ty. Ngày 09/07/2018, Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Công văn số 1445/STC-TCDN về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa và căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND-HC của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 09/07/2018 về việc công bố giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty đã điều chỉnh giảm vốn điều lệ với giá trị là 96.394.200.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình xây dựng các tài sản trên và sẽ bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi hoàn thành.

(**) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018.

18. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Từ 26/04/2017 đến 31/12/2017
Nguồn kinh phí đầu năm	109.219.277	147.327.556
Chi sự nghiệp	(25.729.853)	(38.108.279)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	**83.489.424**	**109.219.277**

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND
a. Doanh thu	**286.947.768.919**
Doanh thu bán hàng hóa	2.867.873.033
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	217.222.951.213
Doanh thu nước đóng chai	4.993.313.648
Doanh thu xây lắp	8.106.956.535
Doanh thu dịch vụ thu gom rác	48.923.727.870
Doanh thu dịch vụ khác	4.832.946.620
b. Doanh thu với các bên liên quan	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.307.765.447
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	128.090.432.897
Giá vốn nước đóng chai	3.376.321.920
Giá vốn xây lắp	6.806.225.111
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	45.689.451.587
Giá vốn dịch vụ khác	4.044.789.701
Cộng	**190.314.986.663**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.194.311
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.407
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	304.762.952
Cộng	**454.961.670**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	5.014.633.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.997
Cộng	**5.014.635.822**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	***29.717.880.172***
Chi phí nhân viên quản lý	14.706.762.064
Chi phí vật liệu quản lý	568.462.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	547.670.568
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	644.653.644
Thuế và các khoản lệ phí	1.061.534.016
Chi phí dự phòng	2.733.368.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.556.132
Chi phí bằng tiền khác	8.612.872.537
b) Các khoản chi phí bán hàng	***40.042.165.207***
Chi phí nhân viên bán hàng	9.970.641.672
Chi phí vật liệu, bao bì	13.226.609.095
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	693.316.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.617.014.695
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	1.246.287.827
Chi phí khác bằng tiền	288.295.488
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	***(1.460.000.000)***
Hoàn nhập Quỹ Phát triển KHCN	(1.100.000.000)
Giảm chi phí thù lao và thuế TNCN của Chuyên gia Hà Lan năm 2016 thực tế không phát sinh	(360.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	70.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	12.090.000
Thu nhập từ kiểm kê thừa	136.859.435
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	81.976.319
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	17.721.388.451
Thu nhập khác	145.477.009
Cộng	**18.167.791.214**

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND
Nộp phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	76.129.866
Chi phí khác	49.037.525
Cộng	**125.167.391**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**41.815.686.548**
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	129.249.107
Chi phí bị phạt thuế, truy thu nợ thuế, vi phạm hành chính	39.789.270
Chi phí không được trừ khác	7.251.879
Lợi nhuận điều chỉnh giảm khi hợp nhất	82.207.958
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	**(18.157.718.754)**
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	(17.721.388.451)
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	(304.762.952)
Giảm do chuyển lỗ từ năm trước của Công ty con	(111.567.351)
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**23.787.216.901**
Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom rác	23.967.702.941
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	(180.486.040)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	**23.787.216.901**
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%
Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.378.721.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	53.463.256
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**2.432.184.946**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.387.275.307
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	(20.594.911.205)
Lãi do mua rẻ Công ty con	*(17.721.388.451)*
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	*(304.762.952)*
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng ban điều hành (*)	*(2.568.759.802)*
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**725**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được tạm xác định bằng 12% lợi nhuận kế hoạch năm 2017 theo Nghị Quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 28/03/2017 là 1.100.000.000 đồng. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2017 là 1.707.562.238 đồng và quỹ thưởng Ban Điều hành là 302.400.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2017 tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, với tỷ lệ trích là 12% trên lợi nhuận kinh doanh năm 2018, tương đương giá trị 2.568.759.802 đồng.

(**) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm vốn như được thuyết minh tại mục 17.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	39.387.275.307
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	(20.594.911.205)
Lãi do mua rẻ Công ty con	*(17.721.388.451)*
Lãi do đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư trước thời điểm nắm quyền kiểm soát	*(304.762.952)*
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	*(2.568.759.802)*
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	25.918.130
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (***)	15.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**459**

(*) Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được tạm xác định bằng 12% lợi nhuận kế hoạch năm 2017 theo Nghị Quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 28/03/2017 là 1.100.000.000 đồng. Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2017 là 1.707.562.238 đồng và quỹ thưởng Ban Điều hành là 302.400.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2017 tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 02/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 28/06/2018, với tỷ lệ trích là 12% trên lợi nhuận kinh doanh năm 2018, tương đương giá trị 2.568.759.802 đồng.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(**) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm vốn như được thuyết minh tại mục 17.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong giai đoạn từ ngày 26/04/2017 đến 31/12/2017 đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

(***) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua thêm 57,87 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 40.918.130 cổ phiếu, số vốn góp của chủ sở hữu tăng lên 409.181.300.000 đồng. Nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn đầu tư các trạm cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, bán nước đóng chai và vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Tổng Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Năm 2018	**Cung cấp nước sinh hoạt**	**Dịch vụ thu gom rác**	**Bán nước đóng chai và vật tư**	**Xây lắp**	**Dịch vụ khác**	**Cộng**
	VND	**VND**		**VND**	**VND**	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.222.951.213	48.923.727.870	7.861.186.681	8.106.956.535	4.832.946.620	**286.947.768.919**
Giá vốn	(128.090.432.897)	(45.689.451.587)	(5.684.087.367)	(6.806.225.111)	(4.044.789.701)	**(190.314.986.663)**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	***89.132.518.316***	***3.234.276.283***	***2.177.099.314***	***1.300.731.424***	***788.156.919***	***96.632.782.256***
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(68.300.045.379)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	454.961.670
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(5.014.635.822)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	18.167.791.214
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(125.167.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(2.432.184.946)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	3.773.705
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	***39.387.275.307***
Tổng tài sản						**1.025.600.134.871**
Tổng nợ phải trả						**722.229.223.865**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Giai đoạn từ 26/04/2017 đến 31/12/2017	Cung cấp nước sinh hoạt VND	Dịch vụ thu gom rác VND	Bán nước đóng chai và vật tư	Xây lắp VND	Dịch vụ khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.922.294.259	31.555.139.138	4.661.154.770	4.960.654.784	4.378.797.608	180.478.040.559
Giá vốn	(82.174.427.783)	(24.088.222.260)	(3.535.011.171)	(3.882.137.074)	(4.611.363.003)	(118.291.161.291)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	*52.747.866.476*	*7.466.916.878*	*1.126.143.599*	*1.078.517.710*	*(232.565.395)*	*62.186.879.268*
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(45.545.602.323)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	90.788.109
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(3.062.258.106)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	331.883.713
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(206.116.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(1.377.557.390)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-		-	-	*12.418.016.513*
Tổng tài sản						883.825.760.166
Tổng nợ phải trả						515.723.024.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.258.517.784	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.738.295.811	18.213.689.209
Tổng cộng	**60.996.813.595**	**78.844.965.584**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	167.335.961.487	181.898.442.525
Phải trả người bán và phải trả khác	33.571.062.467	52.374.543.422
Chi phí phải trả	1.805.531.921	3.224.686.086
Tổng cộng	**202.712.555.875**	**237.497.672.033**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty có thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2018				
Phải trả người bán và phải trả khác	33.571.062.467	-	-	33.571.062.467
Chi phí phải trả	1.805.531.921	-	-	1.805.531.921
Vay và nợ thuê tài chính	32.886.205.000	134.449.756.487	-	167.335.961.487
Cộng	**68.262.799.388**	**134.449.756.487**	**-**	**202.712.555.875**
Tại 01/01/2018				
Phải trả người bán và phải trả khác	52.374.543.422	-	-	52.374.543.422
Chi phí phải trả	3.224.686.086	-	-	3.224.686.086
Vay và nợ thuê tài chính	29.977.128.288	151.921.314.237	-	181.898.442.525
Cộng	**85.576.357.796**	**151.921.314.237**	**-**	**237.497.672.033**

Các khoản công nợ tài chính trên không bao gồm các khoản phải trả Nhà nước bằng các công trình hệ thống cấp, thoát nước và xử lý rác mà Công ty đang theo dõi được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA.

Công ty quản lý rủi ro bằng các công cụ là tài sản tài chính hiện tại, cũng như dòng tiền hình thành trong tương lai. Với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh như hiện tại Công ty có đủ cơ sở thực hiện kế hoạch tài chính đã đề ra.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.258.517.784	-	-	40.258.517.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.738.295.811	-	-	20.738.295.811
Cộng	**60.996.813.595**	**-**	**-**	**60.996.813.595**
Tại 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.631.276.375	-	-	60.631.276.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.213.689.209	-	-	18.213.689.209
Cộng	78.844.965.584	-	-	78.844.965.584

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m2 và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m2/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m2.

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT (TIẾP)

- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m2 và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m2/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

- Hợp đồng thuê đất số 35 HĐTĐ ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m2 và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m2/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị Định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

31.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2018, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 15.818.051.680 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

31.4 THÔNG TIN KHÁC

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 đã thông qua việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty với tỷ lệ Nhà nước nắm giữ tại Công ty sau khi thực hiện thoái vốn là 51%. Thời gian thực hiện thoái vốn theo quyết định của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty sẽ thực hiện phát hành thêm 15.000.000 cổ phiếu, tương đương 150.000.000.000 đồng. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua thêm 57,87 cổ phiếu phát hành thêm. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 40.918.130 cổ phiếu, số vốn góp của chủ sở hữu tăng lên 409.181.300.000 đồng. Nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn đầu tư các trạm cấp nước trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31.4 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Hội đồng Quản trị được ủy quyền lựa chọn thời điểm phát hành nhưng phải hoàn thành trước thời điểm Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty về 51%.

32. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là năm đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính, ngoài ra Công ty mẹ chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp từ ngày 26/04/2017, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 01/01/2018.

Tp.Cao Lãnh, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Quốc Hưng	Phạm Chí Thức	Nguyễn Văn Đề

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNGTHÁP

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN ĐỀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 01, Đường Tôn Đức Thắng, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3853 332

Fax: (0277) 3853 332

Website: www.dowasen.com